

Bản án số: 68/2024/HNGĐ - ST.

Ngày: 20 – 9 – 2024.

V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Bảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Phụng;

2. Ông Hồ Quốc Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Lê Hồng Như - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 128/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 157/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Phan Thị M**, sinh năm 1993; địa chỉ: **Số B, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre** (Vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Bà **Phan Chúc G** là luật sư của Văn phòng luật sư **Triệu Du L** thuộc **Đoàn luật sư tỉnh S**; địa chỉ: **Ấp E, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng** (Vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Hữu L1**, sinh năm 194; địa chỉ: **Ấp A, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng** (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện 09/8/2024, nguyên đơn bà **Phan Thị M** trình bày: Nguyên vào năm 2015, bà và ông **Nguyễn Hữu L1** tự nguyện tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và chung sống với nhau theo nghĩa vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng** theo giấy chứng nhận kết hôn số 157/2015, ngày 14/12/2015. Sau khi kết hôn được một năm thì bà **M** và ông **L1** phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, đời sống vợ chồng không hạnh phúc. Do mâu thuẫn trầm trọng nên bà **M** và ông **L1** đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Trong thời gian chung sống bà **M** và ông **L1** không có con chung; về tài sản chung và nợ chung cũng không có. Tại đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 10/9/2024, bà **Phan Thị M** vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Về hôn nhân xin được ly hôn với ông **Nguyễn Hữu L1**; về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại phiên tòa, bị đơn ông **Nguyễn Hữu L1** trình bày: Thống nhất với nội dung trình bày của nguyên đơn bà **Phan Thị M** về thời gian, thủ tục kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn, con chung, tài sản chung và nợ chung đúng như bà **M** đã trình bày, ông không trình bày gì thêm. Đối với yêu cầu xin ly hôn của bà **M** thì ông đồng ý; về con chung, tài sản chung và nợ chung không có nên ông cũng không có yêu cầu gì.

- Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền; việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử; nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án giải quyết:

- + Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà **Phan Thị M**.
- + Về con chung: Bà **Phan Thị M** và ông **Nguyễn Hữu L1** đều xác định không có con chung nên không đặt ra xem xét.
- + Về tài sản chung: Bà **Phan Thị M** và ông **Nguyễn Hữu L1** đều xác định không có tài sản chung nên không đặt ra xem xét.
- + Về nợ chung: Bà **Phan Thị M** và ông **Nguyễn Hữu L1** đều xác định không có nợ chung nên không đặt ra xem xét.
- + Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Bị đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt và văn bản trình bày ý kiến bảo vệ cùng ngày 10/9/2024 người bảo vệ quyền và lợi hợp pháp của nguyên đơn bà **Phan Thị M** là Luật sư **Phan Chúc G** trình bày: Bà **Phan Thị M** và ông **Nguyễn Hữu L1** là vợ chồng, chung sống với nhau từ năm 2015 và có đăng ký kết hôn theo quy định tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. Sau khi kết hôn thì bà **M** và ông **L1** chỉ chung sống hạnh phúc được khoảng một năm thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi nhau không tìm được tiếng nói chung nên đến năm 2017 đã ly thân cho đến nay. Từ khi hai bên ly thân cho đến nay cũng không gặp nhau để tìm biện pháp gì hàn gắn mâu thuẫn. Do đó, tình trạng hôn nhân giữa bà **M** và ông **L1** đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ những căn cứ trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà **Phan Thị M**. Về con chung, tài sản chung và nợ chung bà **M** và ông **L1** đều xác định không có nên không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phan Thị M và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là bà Phan Chúc G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng bà M và bà G vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà M và bà G.

[2]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp ly hôn giữa nguyên đơn bà Phan Thị M và bị đơn ông Nguyễn Hữu L1 là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; bị đơn ông Nguyễn Hữu L1 có nơi cư trú tại ấp A, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân huyện Long Phú thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định pháp luật về thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ nội dung đơn khởi kiện của Phan Thị M và lời trình bày của ông Nguyễn Hữu L1 đều xác định vào năm 2015 bà M và ông L1 tự nguyện tổ chức lễ cưới theo phong tục, chung sống với nhau theo nghĩa vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận kết hôn số 157/2015, ngày 14/12/2015. Hôn nhân của bà M và ông L1 tuân thủ các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên pháp luật công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà M và ông L1 là hợp pháp. Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 09/8/2024 và ý kiến trình bày tại đơn đề nghị giải quyết vắng mặt ngày 10/9/2024, bà M vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông L1 với lý do sau khi kết hôn được một năm thì hai bên bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, thường xuyên cãi nhau dẫn đến mâu thuẫn gay gắt, đời sống hôn nhân không hạnh phúc và ông, bà đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Từ khi bà M chính thức xin ly hôn đến nay nhưng hai bên không tìm biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Đối với bị đơn ông Nguyễn Hữu L1, tại phiên tòa cũng thống nhất với toàn bộ nội dung trình bày của bà M về thời gian chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn, xác định ông và bà M đã ly thân từ năm 2017 cho đến nay và hai bên không gặp nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng nên ông cũng đồng ý ly hôn. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà M và ông L1 đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xét thấy yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn cũng như ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà M được ly hôn với ông L1.

[4]. Về con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án bà Phan Thị M và ông Nguyễn Hữu L1 đều xác định ông, bà không có con chung. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5]. Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án bà **Phan Thị M** và ông **Nguyễn Hữu L1** đều xác định ông, bà không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6]. Về nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án bà **Phan Thị M** và ông **Nguyễn Hữu L1** đều xác định ông, bà không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7]. Về án phí: Bà **Phan Thị M** phải chịu án phí theo qui định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Ông **Nguyễn Hữu L1** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[8]. Như đã phân tích nêu trên xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú về đề nghị giải quyết về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà **Phan Thị M** được ly hôn với ông **Nguyễn Hữu L1**.
2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà **Phan Thị M** phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006661 ngày 15/8/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bà **M** đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông **Nguyễn Hữu L1** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.
3. Về quyền kháng cáo: Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Long Phú;
- Chi cục THADS huyện Long Phú;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P.KTNV&THA);
- UBND thị trấn Long Phú;
- Lưu (HS, VP).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hoàng Bảo

